

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 17/10/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 17/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐST - HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị V T U, sinh năm 1994 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: xã Đ S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn Đ P, xã Đ T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn

Bị đơn: Anh N V Q, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Đ Q, xã Đ S, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị V T U trình bày: Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận kết hôn

trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ S, huyện Yên Thế năm 2013. Trong quá trình chung sống buổi đầu hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Q không chịu làm ăn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh Q không nghe cuộc sống không có hạnh phúc, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là N M N, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 27/9/2016 hiện đang ở với chị, nay chị xin được nuôi con không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo anh N V Q trình bày: Anh kết hôn cùng chị U năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ S, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận và đi đến hôn nhân; trong quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chơi bời dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau đến tháng 10/2018 chị U bỏ về nhà mẹ đẻ vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay, anh có sang đón gọi nhiều lần nhưng chị U không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là N M N, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 27/9/2016 hiện đang ở với chị U, nay các cháu còn nhỏ nếu phải ly hôn anh đề cho chị U nuôi con..

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị V T U được ly hôn anh N V Q

Về con chung: Giao con chung là N M N, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 27/9/2016 cho chị U chăm sóc nuôi dưỡng

- Về án phí: Chị U phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh N V Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị V T U kết hôn cùng anh N V Q, năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ S. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q không chịu làm ăn kinh tế; vợ chồng ly thân đã lâu do đó Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị U, anh Q đã trầm trọng, thời gian đã kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần xử cho chị U được ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị U, anh Q hiện nay có hai con chung là N M N, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 27/9/2016 hiện đang ở với chị U. Tòa án thấy rằng hiện nay các cháu còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, mặt khác anh Q đồng ý giao hai con chung cho chị U nuôi dưỡng do đó Tòa án giao hai con chung cho chị U nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị U phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị V T U được ly hôn anh N V Q

Về con chung: Giao con chung là N M N, sinh ngày 14/8/2014 và Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 27/9/2016 cho chị U chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền nghĩa vụ này.

Án phí: Chị V T U phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004377 ngày 14/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-

Phạm Hữu Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

CÁC HỘI THẨM

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

